

**PHỤ BIỂU  
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ DỰ TOÁN NĂM 2022**

*Đơn vị tính: Đồng*

STT	Tên đơn vị	QĐ giao DT	Số đã giao	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	Ghi chú	
							Số QĐ giao dự toán	Khác
	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>121.656.818.468</b>	<b>49.093.379.245</b>	<b>- 47.529.379.245</b>	<b>123.220.818.468</b>		
<b>A</b>	<b>Dự toán kinh phí tự chủ</b>		<b>17.377.000.000</b>	<b>1.892.000.000</b>	<b>-</b>	<b>19.269.000.000</b>		
<b>1</b>	Bệnh viện Lão Khoa - Phục hồi chức năng		17.377.000.000	1.892.000.000		19.269.000.000		
<b>B</b>	<b>Dự toán kinh phí không tự chủ</b>		<b>104.279.818.468</b>	<b>47.201.379.245</b>	<b>- 47.529.379.245</b>	<b>103.951.818.468</b>		
<b>1</b>	<b>Văn phòng Sở Y tế</b>		<b>24.872.684.852</b>	<b>130.725.000</b>	<b>- 24.872.684.852</b>	<b>130.725.000</b>		
	Kinh phí thực hiện mua sắm trang thiết bị, vật tư hoá chất thực hiện PCD theo phương án 1000 ca nhiễm		24.354.302.000		- 24.354.302.000		QĐ 324/QĐ-UBND ngày 07/2/2022	
	Kinh phí mua oxy cho phương án 1000 ca nhiễm		518.382.852		- 518.382.852		QĐ 756/QĐ-UBND ngày 28/3/2022; QĐ 1087/QĐ-UBND ngày 28/4/2022;	
	Kinh phí nhiệm vụ đột xuất			130.725.000		130.725.000		
<b>2</b>	<b>Chi cục dân số kế hoạch hóa gia đình</b>		<b>4.866.909.034</b>	<b>-</b>	<b>- 42.336.934</b>	<b>4.824.572.100</b>		
	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước		4.866.909.034		- 42.336.934	4.824.572.100	QĐ 1883/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; QĐ 1218/QĐ-SYT ngày 01/7/2022; QĐ 2082/QĐ-SYT	
<b>3</b>	<b>Bệnh viện đa khoa tỉnh</b>		<b>1.910.650.000</b>	<b>8.129.404.060</b>	<b>- 8.650.000</b>	<b>10.031.404.060</b>		
	Bổ sung kinh phí nâng cấp hệ thống bồn chứa oxy, máy khí nén		1.910.650.000		- 8.650.000	1.902.000.000	QĐ 236/QĐ-UBND ngày 30/01/2022	
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			172.830.000		172.830.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm

STT	Tên đơn vị	QĐ giao DT	Số đã giao	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	Ghi chú	
							Số QĐ giao dự toán	Khác
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			7.956.574.060		7.956.574.060		
<b>4</b>	<b>Bệnh viện Bãi Cháy</b>			<b>6.936.573.127</b>	<b>-</b>	<b>6.936.573.127</b>		
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			200.500.000		200.500.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			6.736.073.127		6.736.073.127		Kinh phí điều trị Covid-19 6 tháng đầu năm đã được thẩm tra (sau khi trừ số đã cấp tháng 1/2022) là: 6.623.850.697 đồng; Kinh phí điều trị Covid-19 tạm cấp bổ sung 6 tháng cuối năm 2022: 112.222.430 đồng
<b>5</b>	<b>Bệnh viện Sản Nhi</b>		<b>7.781.650.000</b>	<b>2.200.613.361</b>	<b>- 101.869.250</b>	<b>9.880.394.111</b>		
	Kinh phí mua sắm sửa chữa TTB cơ sở VC		5.871.000.000		- 92.316.000	5.778.684.000	QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 04/7/2022; QĐ 1293/QĐ-SYT ngày 18/7/2022	
	Bổ sung kinh phí nâng cấp hệ thống bồn chứa oxy, máy khí nén		1.910.650.000		- 9.553.250	1.901.096.750	QĐ 236/QĐ-UBND ngày 30/01/2022	
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			297.395.000		297.395.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			1.903.218.361		1.903.218.361		
<b>6</b>	<b>Bệnh viện ĐK Cẩm phả</b>		<b>4.313.000.000</b>	<b>1.648.033.957</b>	<b>- 146.142.000</b>	<b>5.814.891.957</b>		
	Kinh phí mua sắm sửa chữa TTB cơ sở VC		4.313.000.000		- 75.942.000	4.237.058.000	QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 04/7/2022; QĐ 1293/QĐ-SYT ngày 18/7/2022	
	Kinh phí công nghệ thông tin				- 70.200.000	- 70.200.000	QĐ 4389/QĐ-UBND; QĐ 586/QĐ-SYT ngày 06/5/2022	
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			160.660.000		160.660.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm

STT	Tên đơn vị	QĐ giao DT	Số đã giao	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	Ghi chú	
							Số QĐ giao dự toán	Khác
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			1.487.373.957		1.487.373.957		
<b>7</b>	<b>Bệnh viện Phổi</b>		<b>483.825.000</b>	<b>2.730.554.446</b>	<b>- 184.225.000</b>	<b>3.030.154.446</b>		
	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước		483.825.000		- 184.225.000	299.600.000	QĐ 1883/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; QĐ 1218/QĐ-SYT ngày 01/7/2022	
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			403.970.000		403.970.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			2.326.584.446		2.326.584.446		Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19 6 tháng đầu năm 2022
<b>8</b>	<b>Bệnh viện Bảo vệ sức khỏe tâm thần</b>		<b>-</b>	<b>328.650.134</b>	<b>-</b>	<b>328.650.134</b>		
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			58.800.000		58.800.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			269.850.134		269.850.134		Kinh phí điều trị Covid-19 6 tháng đầu năm đã được thẩm tra (sau khi trừ số đã cấp tháng 1/2022) là: 59.321.134 đồng; Kinh phí điều trị Covid-19 tạm cấp bổ sung 6 tháng cuối năm 2022: 210.529.000 đồng
<b>9</b>	<b>Bệnh viện đa khoa khu vực Cẩm Phả</b>		<b>1.890.440.000</b>	<b>2.529.178.706</b>	<b>- 586.018.000</b>	<b>3.833.600.706</b>		
	Phụ cấp phòng chống dịch		1.890.440.000		- 586.018.000	1.304.422.000	QĐ 2086/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			322.040.000		322.040.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			2.207.138.706		2.207.138.706		
<b>10</b>	<b>Trung tâm y tế thành phố Móng Cái</b>		<b>3.179.964.000</b>	<b>2.935.347.363</b>	<b>- 1.465.940.000</b>	<b>4.649.371.363</b>		
	Bổ sung kinh phí nâng cấp hệ thống bồn chứa oxy, máy khí nén		1.910.650.000		- 920.650.000	990.000.000	QĐ 478/QĐ-UBND	

STT	Tên đơn vị	QĐ giao DT	Số đã giao	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	Ghi chú	
							Số QĐ giao dự toán	Khác
	Kinh phí phục vụ công tác tiêm chủng phòng chống dịch Covid-19		1.269.314.000		- 545.290.000	724.024.000		
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			424.631.000		424.631.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			2.510.716.363		2.510.716.363		Kinh phí điều trị Covid-19 6 tháng đầu năm đã được thẩm tra (sau khi trừ số đã cấp tháng 1/2022) là: 1.520.680.078 đồng; Kinh phí điều trị Covid-19 tạm cấp bổ sung 6 tháng cuối năm 2022: 990.036.285 đồng
<b>11</b>	<b>TTYT huyện Cô Tô</b>		<b>2.462.200.000</b>	<b>48.780.000</b>	<b>- 142.350.000</b>	<b>2.368.630.000</b>		
	Kinh phí đào tạo		64.000.000		- 52.350.000	11.650.000	QĐ 4389/QĐ-UBND; QĐ 586/QĐ-SYT ngày 06/5/2022	
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			48.780.000		48.780.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí mua sắm sửa chữa TTB cơ sở VC		2.398.200.000		- 90.000.000	2.308.200.000	QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 04/7/2022; QĐ 1293/QĐ-SYT ngày 18/7/2022	
<b>12</b>	<b>TTYT TX Quảng Yên</b>		<b>2.291.888.000</b>	<b>3.352.123.391</b>	<b>- 226.753.664</b>	<b>5.417.257.727</b>		
	Kinh phí đào tạo		240.000.000		- 75.584.000	164.416.000	QĐ 4389/QĐ-UBND; QĐ 586/QĐ-SYT ngày 06/5/2022	
	Kinh phí phục vụ công tác tiêm chủng phòng chống dịch Covid-19		2.051.888.000		- 151.169.664	1.900.718.336		
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			731.385.000		731.385.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			2.620.738.391		2.620.738.391		
<b>13</b>	<b>Trung tâm Y tế huyện Vân Đồn</b>	<b>-</b>	<b>3.512.472.500</b>	<b>2.491.977.306</b>	<b>- 284.251.500</b>	<b>5.720.198.306</b>		

STT	Tên đơn vị	QĐ giao DT	Số đã giao	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	Ghi chú	
							Số QĐ giao dự toán	Khác
	Kinh phí đào tạo		228.000.000		- 63.750.000	164.250.000	QĐ 4389/QĐ-UBND; QĐ 586/QĐ-SYT ngày	
	Phụ cấp phòng chống dịch		2.539.064.000		- 36.309.000	2.502.755.000	QĐ 2086/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	
	Kinh phí phục vụ công tác tiêm chủng phòng chống dịch Covid-19		745.408.500		- 184.192.500	561.216.000		
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			188.730.000		188.730.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			2.303.247.306		2.303.247.306		Kinh phí điều trị Covid-19 6 tháng đầu năm đã được thẩm tra (sau khi trừ số đã cấp tháng 1/2022) là: 2.031.467.306 đồng; Kinh phí điều trị Covid-19 tạm cấp bổ sung 6 tháng cuối năm 2022: 271.780.000 đồng
<b>14</b>	<b>Trung tâm y tế huyện Hải Hà</b>		<b>9.076.774.500</b>	<b>1.754.400.780</b>	<b>- 1.181.180.000</b>	<b>9.649.995.280</b>		
	Kinh phí mua sắm sửa chữa TTB cơ sở VC		5.075.000.000		- 756.000.000	4.319.000.000	QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 04/7/2022; QĐ 1293/QĐ-SYT ngày 18/7/2022	
	Phụ cấp phòng chống dịch		2.929.584.000		- 66.160.000	2.863.424.000	QĐ 2086/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	
	Kinh phí phục vụ công tác tiêm chủng phòng chống dịch Covid-19		940.190.500		- 311.820.000	628.370.500		
	Kinh phí xử lý nước thải		132.000.000		- 47.200.000	84.800.000	QĐ 1085/QĐ_UBND ngày 28/4/2022; QĐ 687/QĐ-SYT ngày 26/5/2022	
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			1.754.400.780		1.754.400.780		
<b>15</b>	<b>Trung tâm y tế thị xã Đông Triều</b>		<b>2.524.203.000</b>	<b>2.346.651.552</b>	<b>- 317.241.000</b>	<b>4.553.613.552</b>		
	Kinh phí đào tạo		172.000.000		- 24.110.000	147.890.000	QĐ 4389/QĐ-UBND; QĐ 586/QĐ-SYT ngày 06/5/2022	

STT	Tên đơn vị	QĐ giao DT	Số đã giao	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	Ghi chú	
							Số QĐ giao dự toán	Khác
	Kinh phí phục vụ công tác tiêm chủng phòng chống dịch Covid-19		2.352.203.000		- 293.131.000	2.059.072.000		
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			2.346.651.552		2.346.651.552		
<b>16</b>	<b>Bệnh viện đa khoa Hạ Long</b>		<b>4.827.567.000</b>	<b>2.895.807.885</b>	<b>- 194.391.000</b>	<b>7.528.983.885</b>		
	Kinh phí công nghệ thông tin		684.000.000		- 81.110.000	602.890.000	QĐ 4389/QĐ-UBND; QĐ 586/QĐ-SYT ngày	
	Kinh phí mua sắm sửa chữa TTB cơ sở VC		2.674.000.000		- 32.400.000	2.641.600.000	QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 04/7/2022; QĐ	
	Phụ cấp phòng chống dịch		1.469.567.000		- 80.881.000	1.388.686.000	QĐ 2086/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			162.170.000		162.170.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			2.733.637.885		2.733.637.885		
<b>17</b>	<b>Trung tâm y tế huyện Ba Chẽ</b>		<b>1.589.000.000</b>	<b>583.781.000</b>	<b>- 30.472.000</b>	<b>2.142.309.000</b>		
	Kinh phí đào tạo		150.000.000		- 2.950.000	147.050.000	QĐ 4389/QĐ-UBND; QĐ 586/QĐ-SYT ngày 06/5/2022	
	Kinh phí mua sắm sửa chữa TTB cơ sở VC		1.439.000.000		- 27.522.000	1.411.478.000	QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 04/7/2022; QĐ 1293/QĐ-SYT ngày 18/7/2022	
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			140.100.000		140.100.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			443.681.000		443.681.000		
<b>18</b>	<b>Trung tâm Kiểm nghiệm</b>		<b>9.856.094.582</b>		<b>- 8.556.064.888</b>	<b>1.300.029.694</b>		
	Kinh phí mua sắm sửa chữa TTB cơ sở VC		7.398.000.000		- 7.398.000.000		QĐ 1907/QĐ-UBND ngày 04/7/2022; QĐ 1293/QĐ-SYT ngày 18/7/2022	
	Kinh phí mua thuốc phòng chống dịch		2.458.094.582		- 1.158.064.888	1.300.029.694	QĐ 324/QĐ-UBND ngày 07/2/2022	
<b>19</b>	<b>Trung tâm kiểm soát bệnh tật</b>		<b>18.062.752.000</b>	<b>214.700.000</b>	<b>- 8.958.809.157</b>	<b>9.318.642.843</b>		

STT	Tên đơn vị	QĐ giao DT	Số đã giao	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	Ghi chú	
							Số QĐ giao dự toán	Khác
	Phụ cấp phòng chống dịch		768.310.000		- 9.630.000	758.680.000	QĐ 2086/QĐ-UBND ngày 28/7/2022	
	Kinh phí phục vụ công tác tiêm chủng phòng chống dịch Covid-19		289.986.000		- 71.227.801	218.758.199		
	Kinh phí sự nghiệp đột xuất		789.400.000		- 61.751.600	727.648.400		
	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước		16.215.056.000		- 8.816.199.756	7.398.856.244	QĐ 1883/QĐ-UBND ngày 30/6/2022; QĐ 1218/QĐ-SYT ngày 01/7/2022	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ Chi trả tiền điện nước cho 2 kho vật tư phòng chống dịch và tiếp đón tổ chức phòng chống mù lòa Châu Á			152.450.000		152.450.000		
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			62.250.000		62.250.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
<b>20</b>	<b>Trung tâm y tế huyện Tiên Yên</b>		<b>777.744.000</b>	<b>1.891.087.301</b>	<b>- 230.000.000</b>	<b>2.438.831.301</b>		
	Kinh phí phục vụ công tác tiêm chủng phòng chống dịch Covid-19		777.744.000		- 230.000.000	547.744.000		
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			130.190.000		130.190.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			1.760.897.301		1.760.897.301		Kinh phí điều trị Covid-19 6 tháng đầu năm đã được thẩm tra (sau khi trừ số đã cấp tháng 1/2022) là: 1.066.389.700 đồng; Kinh phí điều trị Covid-19 tạm cấp bổ sung 6 tháng cuối năm 2022: 694.507.601 đồng
<b>21</b>	<b>Trung tâm y tế huyện Đầm Hà</b>		-	<b>1.678.259.876</b>	-	<b>1.678.259.876</b>		
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			729.140.000		729.140.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm

STT	Tên đơn vị	QĐ giao DT	Số đã giao	Số điều chỉnh tăng	Số điều chỉnh giảm	Số sau điều chỉnh	Ghi chú	
							Số QĐ giao dự toán	Khác
	Kinh phí thanh toán điều trị Covid-19			949.119.876		949.119.876		Kinh phí điều trị Covid-19 6 tháng đầu năm đã được thẩm tra (sau khi trừ số đã cấp tháng 1/2022) là: 846.243.858 đồng; Kinh phí điều trị Covid-19 tạm cấp bổ sung 6 tháng cuối năm 2022: 102.876.018 đồng
<b>22</b>	<b>Trung tâm y tế huyện Bình Liêu</b>		-	<b>832.800.000</b>	-	<b>832.800.000</b>	-	
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			832.800.000		832.800.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
<b>23</b>	<b>Trung tâm y tế thành phố Hạ Long</b>		-	<b>1.469.330.000</b>	-	<b>1.469.330.000</b>	-	
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			1.469.330.000		1.469.330.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm
<b>24</b>	<b>Trung tâm y tế thành phố Cẩm Phả</b>		-	<b>72.600.000</b>	-	<b>72.600.000</b>	-	
	Kinh phí phòng chống dịch tháng 7,8,9/2022			72.600.000		72.600.000		Chi tiết theo phụ biểu đính kèm